

NĂNG LỰC KHAI THÁC THỦY SẢN VÙNG ĐBSCL

Thời gian cập nhật: 16/12/2011 12:00:00 SA

Vùng ĐBSCL có diện tích tự nhiên khoảng 39.747 km², chiếm 12% diện tích cả nước, diện tích vùng biển đặc quyền kinh tế rộng khoảng 360 nghìn km², chiếm 37% tổng diện tích vùng đặc quyền kinh tế của cả nước và hàng trăm đảo lớn nhỏ thuộc hai ngư trường trọng điểm là Đông và Tây Nam Bộ.



Tàu thuyền chuẩn bị ra khơi. Ảnh: Kim Anh

Trữ lượng cá biển ở 2 ngư trường Đông và Tây Nam Bộ khoảng 2,5 triệu tấn, chiếm 62% của cả nước. Khả năng cho phép khai thác tối đa khoảng trên dưới 1 triệu tấn, trong đó cá đáy khoảng 700 nghìn tấn, cá nổi trên 300 nghìn tấn. Nguồn lợi hải sản phong phú với khả năng khai thác đáng kể so với cả nước: cá 62%, tôm sú và tôm he 66%, tôm sắt và tôm chì 61%, mực ống 69% và mực nang 76%. Năng suất khai thác cá biển đạt 61 kg/người/năm, trong khi cả nước chỉ có 21 kg/người /năm.

Ngoài ra, vùng biển ven bờ của ĐBSCL còn có tiềm năng bảo tồn khá cao, kéo theo khả năng phát triển một số ngành nghề thủy sản mới để chuyển đổi nghề nghiệp cho ngư dân, như: nuôi thích nghi, câu/đánh cá giải trí gắn với du lịch sinh thái...

Cùng với NTTS, hoạt động khai thác thủy sản cũng đạt được kết quả quan trọng, sản lượng khai thác không ngừng tăng. Sản lượng khai thác của vùng ĐBSCL ước đạt khoảng trên 900 nghìn tấn, bằng khoảng 40% tổng sản lượng khai thác cả nước, trong đó trên 80% khai thác từ biển. Trong 13 tỉnh ĐBSCL, có 8 tỉnh tham gia Chương trình vay vốn đóng tàu khai thác hải sản xa bờ (Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Long An, Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang). Bên cạnh sự hỗ trợ tín dụng của Nhà nước, ngư dân đã tích cực bỏ vốn tự đầu tư, tiếp tục đóng, sửa, cải hoán tàu cá và tổ chức đánh bắt hiệu quả.

Tàu thuyền và công suất theo thống kê 13 tỉnh ĐBSCL thì hiện nay, số lượng tàu thuyền hoạt động khai thác thủy sản khá lớn, khoảng 25 nghìn đến 30 nghìn chiếc với trên 2,1 đến 2,3 triệu CV. Trong đó, khai thác xa bờ luôn là thế mạnh của vùng, đặc biệt một số tỉnh có nghề cá rất phát triển như Kiên Giang trên 3.500 chiếc, Cà Mau có khoảng 1.200 chiếc.

Số lượng tàu thuyền tham gia khai thác hải sản xa bờ luôn tăng nhanh trong những năm trở lại đây. Năm 2000 tàu thuyền KTHS xa bờ toàn vùng là 3.426 chiếc thì đến năm 2005 là 5.516 chiếc và đạt trên 6 nghìn chiếc năm 2010, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên dưới 7,5%. Tuy tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm về số lượng tàu thuyền của ĐBSCL thấp hơn so với cả nước (11%) nhưng luôn chiếm tỷ trọng cao (26%).

Công suất tàu KTHS xa bờ năm 2000 là 905,9 nghìn CV đến 2005 đạt 1.402 nghìn CV và hiện nay khoảng trên 2.000 nghìn CV. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 9-10%. Tuy số lượng tàu thuyền KTHSXB ĐBSCL chiếm tỉ trọng khoảng 26-30% so với cả nước nhưng công suất chiếm tỷ lệ rất cao trên 50%.

Công suất bình quân trên mỗi đơn vị tàu khai thác hải sản xa bờ luôn ở mức cao và liên tục tăng trong những năm trở lại đây 264,16 CV/chiếc năm 2000 tăng lên trên 300 CV/chiếc năm 2010, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 1,3-1,5%/năm.

Khai thác thủy sản nội địa ở ĐBSCL cũng tương đối mạnh, do nơi đây có nhiều sông, lạch, đầm phá, đặc biệt là hệ thống sông Mêkông. Số phương tiện đánh bắt trong vùng nội địa là rất lớn nhưng thường là những thuyền nhỏ không gắn động cơ, nếu có gắn thì công suất thường thấp (<10 CV).

Sản lượng khai thác, là khu vực có tốc độ tăng trưởng về sản lượng khai thác cao nhất và đóng góp rất lớn trong tổng sản lượng khai thác thủy sản chung của cả nước. Năm 2000 là 803.919 tấn tăng lên 843.017 tấn và hiện nay đạt trên 900 nghìn tấn; với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt trên 1,1%. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác so với cả nước chiếm 37-40%.

Trong đó, sản lượng cá biển trong cơ cấu của tổng sản lượng thủy sản khai thác cũng có xu hướng tăng dần trong những năm qua, chiếm 57,84% tổng sản lượng - năm 2000 và đến năm 2010 chiếm trên 65%. Tỷ trọng cá biển khai thác của ĐBSCL so với tỷ trọng cá biển của cả nước khá ổn định chiếm 38-40%.

Ngoài ra, sản lượng khai thác nội địa cũng là một thế mạnh, chiếm tỷ lệ từ 50 – 60% sản lượng khai thác nội địa cả nước. Những địa phương có sản lượng khai thác cao như An Giang (chiếm khoảng 33%), Trà Vinh (18,24%), Đồng Tháp (chiếm 13,52%). Tuy nhiên, trong những năm gần đây tình hình sản lượng đang có xu hướng giảm, do nguồn lợi giảm mạnh. Trong đó chỉ có hai tỉnh Long An và Bạc Liêu có sản lượng khai thác không cao là có mức độ tăng trưởng dương (4 - 8%).

Nghề cá nước ta là nghề cá nhân dân, tuy trong những năm qua đã có sự cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn ở mức lạc hậu so với nghề cá của các nước trong khu vực và trên thế giới nên cần nhiều lao động chân tay. Do vậy, lực lượng lao động tham gia trong ngành KTTS rất đông. Nghề KTTS khu vực ĐBSCL cũng vậy, mỗi tàu tham gia khai thác thủy sản ở đây cao trung bình 7-10 người/tàu; lực lượng lao động này có kiến thức đi biển kém, chưa được đào tạo nên tiếp thu và ứng dụng khoa học kỹ thuật – trang thiết bị máy móc tàu còn hạn, chủ yếu sử dụng kinh nghiệm đi biển thực tế nhiều hơn.

Cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá vùng ĐBSCL có nghề cá phát triển nhất cả nước nên cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá ở đây cũng phát triển tương xứng. Trong khu vực đã hình thành nhiều cảng cá, bến cá, cơ sở đóng sửa tàu thuyền cùng với các chợ - vựa cá mua bán cá tập trung. Một số tỉnh ven biển Tây Nam Bộ đã đặt nền móng cho chiến lược phát triển kinh tế biển. Như tỉnh Kiên Giang đã bước đầu kết hợp được giữa khai thác, chế biến với nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ven bờ. Tập trung đầu tư hình thành các cảng cá, cảng dịch vụ hậu cần nghề cá ở các ngư trường trọng điểm tại quần đảo Nam Du, Kiên Hải, Phú Quốc và Thổ Chu nhằm phục vụ các đoàn tàu đánh cá xa bờ.

Tóm lại, ĐBSCL là khu vực có năng lực đội tàu khai thác lớn nhất cả nước, không riêng về số lượng tàu thuyền mà cả về công suất tàu - với phạm vi ngư trường khai thác cũng lớn nhất nước, do có vùng kinh tế đặc quyền lớn với nguồn lợi hải sản tương đối dồi dào. Tuy nhiên, hiện nay nơi đây còn tồn tại một lượng tàu thuyền nhỏ đánh bắt ven bờ gây sát thương nguồn lợi mà chưa được thống kê, quản lý đầy đủ; mặt khác, trong khai thác xa bờ, phần lớn các tàu cá chưa đầu tư trang bị đầy đủ các trang thiết bị nhằm giảm thất thoát trong khai thác như: hệ thống bảo quản, cấp đông, chế biến. Các cơ sở hạ tầng phục vụ cho khai thác như cảng cá, bến cá, chợ cá, khu neo tránh trú bão cho tàu thuyền tuy phát triển hơn các khu vực khác, song vẫn chưa đáp ứng hết nhu cầu năng lực tàu thuyền rất lớn trong vùng.

Trong thời gian tới, Nhà nước cần có những chính sách nhằm hỗ trợ ngư dân bám biển, kết hợp với an ninh quốc phòng bảo vệ vùng biển đảo, tạo việc làm để chuyển đổi nghề cho số lao động khai thác ven bờ. Nghiên cứu, xây dựng các chương trình, dự án nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất cũng như năng lực nghề cá trong khu vực theo hướng truyền thống kết hợp với hiện đại. Đưa ra các giải pháp hữu hiệu trong việc quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản theo hướng bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển lâu dài. Cần liên kết với các Viện, các Trường, các tổ chức nhằm đào tạo cán bộ chuyên sâu trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho khu vực ĐBSCL.

Huỳnh Kim Anh

Phòng quy hoạch, PVQHTSPN

<http://www.vifep.com.vn/NewsViewItem.aspx?Id=1210>